TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 36/2019/QĐST-DS	*B, ngày 16 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 80/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Ngọc Văn Đ**, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**** Bị đơn*****:** Vợ chồng ông **Trần Công T,** sinh năm: 1972

và bà **Phương Thị L,** sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn 3, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh **Ngọc Chí Th**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(*Anh Ngọc Chí Th ủy quyền cho ông Ngọc Văn Đ tham gia tố tụng*).

- Bà **Nông Thị M**, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Hủy Giấy sang nhượng đất vườn cà phê viết tay lập ngày 02/01/2019 giữa vợ chồng ông Ngọc Văn Đ, bà Nông Thị M với vợ chồng ông Trần Công T, bà Phương Thị L.

2.2- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 02/01/2019 giữa vợ chồng ông Trần Công T, bà Phương Thị L với anh Ngọc Chí Th có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2.3- Vợ chồng ông Trần Công T, bà Phương Thị L có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Ngọc Văn Đ, bà Nông Thị M số tiền 1.274.800.000đ (*Một tỉ hai trăm bảy mươi tư triệu tám trăm ngàn đồng).* Trong đó gồm: Nợ gốc là 1.170.000.000đ; Lãi là 88.000.000đ và tiền nợ khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 16.800.000đ.

Ông Ngọc Văn Đ được quyền tạm giữ 02 bản chính gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 011961 do UBND huyện B cấp ngày 10/4/1998 mang tên Nguyễn Bá H (đã được điều chỉnh trang 4 mang tên ông Trần Công T, bà Phương Thị L)

và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 789737 do UBND huyện B cấp ngày 23/10/2007 mang tên Phạm Văn Q (đã được điều chỉnh trang 4 mang tên ông Trần Công T, bà Phương Thị L) để đảm bảo thi hành án. Sau này đến giai đoạn thi hành án thì ông Ngọc Văn Đ phải có trách nhiệm giao nộp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Chi cục Thị hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng để thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Vợ chồng ông Trần Công T, bà Phương Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí đối với yêu cầu Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 25.122.000đ tiền án phí đối với số tiền phải trả cho vợ chồng ông Ngọc Văn Đ, bà Nông Thị M. Tổng cộng vợ chồng ông Trần Công T, bà Phương Thị L phải nộp 25.422.000đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng*) tiền án phí.

Ông Ngọc Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Ngọc Văn Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **24.351.000đ** (*Hai mươi tư triệu ba trăm năm mươi mốt ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012919 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường